NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Trương Hồng Thúy
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Điện lực
Email: tienthuy117776@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết nghiên cứu định hướng chiến lược từ Văn kiện Đại hội XIV của Đảng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó xác định tiếng Anh là "mã khóa" cốt lõi và từng bước đưa ngoại ngữ này trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Dựa trên số liệu khảo sát năm 2025 về đội ngũ giảng viên đại học, tác giả chỉ ra những "điểm nghẽn" hệ thống như: sự lệch pha giữa mô hình đào tạo với nhu cầu thị trường, bất cập chất lượng nhân lực và sự chậm trễ trong chuyển đổi số. Từ đó, bài viết đề xuất 4 nhóm giải pháp đột phá nhằm nâng cao nội lực quốc gia trong kỷ nguyên mới.*

Từ khóa: *Đại hội XIV; nguồn nhân lực chất lượng cao; giảng dạy tiếng Anh; giáo dục quốc dân; hội nhập quốc tế.*

ENHANCING THE QUALITY OF ENGLISH LANGUAGE TEACHING TO MEET THE DEMANDS OF HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT IN THE SPIRIT OF THE 14TH NATIONAL PARTY CONGRESS

Abstract*: This article examines the strategic orientations from the Documents of the 14th National Party Congress on developing high-quality human resources, which identifies English as a core "key" and aims to gradually transform it into a second language in schools. Based on 2025 survey data regarding university lecturers, the author highlights systemic "bottlenecks," including the mismatch between training models and market demands, inadequacies in workforce quality, and delays in digital transformation. On this basis, the paper proposes four groups of breakthrough solutions to enhance national internal strength in the new era.*

Keywords: *14th National Party Congress; high-quality human resources; English language teaching; national education system; international integration.*

Nhận bài: 14/05/2026 Phản biện: 14/06/2026 Duyệt đăng: 17/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã định vị phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn liền với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong ba đột phá chiến lược. Trong cấu trúc năng lực của nguồn nhân lực hiện đại, tiếng Anh không chỉ đơn thuần là một công cụ giao tiếp mà đã trở thành phương tiện then chốt để tiếp cận tri thức nhân loại, chuyển giao công nghệ cốt lõi và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Do đó, việc nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh trong hệ thống giáo dục đại học là một đòi hỏi cấp bách, thực chất để cụ thể hóa tầm nhìn chiến lược của Đảng.

Sự chuyển dịch về tư duy chính trị và giáo dục đối với ngoại ngữ đã được khẳng định nhất quán qua hệ thống văn bản quy phạm thời gian gần đây. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đặt nền móng cho việc phát triển năng lực người học gắn với yêu cầu hội nhập. Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định định hướng mang tính bước ngoặt: "từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học". Quan điểm này được củng cố vững chắc bởi Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045, nhằm thúc đẩy nội lực nghiên cứu khoa học và vị thế của giáo dục đại học trên bản đồ quốc tế. Đặc biệt, Quyết định số 2371/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn 2045, tạo cơ sở chính sách quan trọng cho việc nâng cao năng lực tiếng Anh trong toàn bộ hệ thống giáo dục. Tính đột phá còn được thể hiện rõ nét tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, yêu cầu: "Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học và dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng. Nâng chuẩn tiếng Anh cho giáo viên và học sinh các cấp học; bảo đảm đủ số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công nghệ, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo trong dạy và học tiếng Anh; tăng cường giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện".

Trong bối cảnh bùng nổ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự chi phối của trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ lượng tử và kinh tế số, năng lực cạnh tranh quốc gia phụ thuộc chặt chẽ vào khả năng làm chủ thông tin và công nghệ. Tiếng Anh chính là "mã khóa" để đội ngũ trí thức trẻ tiếp cận các thành tựu mới nhất của nhân loại. Tuy nhiên, thực tế tổ chức dạy học tại các cơ sở giáo dục đại học vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản về phương pháp, hạ tầng kỹ thuật và sự đồng bộ trong chuyển đổi số. Phạm vi bài viết này thông qua việc đánh giá khách quan thực trạng, đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hình thành một thế hệ lao động đủ bản lĩnh và năng lực ngôn ngữ để đưa đất nước phát triển bứt phá trong giai đoạn mới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và định hướng chiến lược từ Văn kiện Đại hội XIV của Đảng về phát triển nhân lực chất lượng cao

Nghiên cứu hệ thống quan điểm cơ bản của Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, có thể nhận thấy một sự chuyển dịch mang tính bước ngoặt trong tư duy chiến lược về phát triển lực lượng sản xuất. Đảng ta không chỉ dừng lại ở việc kế thừa các thành tựu của các nhiệm kỳ trước mà còn định vị lại vai trò của con người trong bối cảnh "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc". Mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để hiện thực hóa khát vọng mang tính lịch sử này, Văn kiện Đại hội XIV xác định một trong những đòn bẩy quyết định là: "Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài... đáp ứng yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước".

Về mặt lý luận, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn này gắn liền với yêu cầu làm chủ các phương thức sản xuất mới. Trong xu thế hội nhập toàn diện, sâu rộng mà trọng tâm là kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực không còn bó hẹp trong phạm vi biên giới quốc gia mà phải đạt được các chuẩn mực quốc tế về cả trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng bổ trợ. Trong đó, tiếng Anh đóng vai trò là "mã khóa" toàn cầu, chiếm ưu thế tuyệt đối trong các lĩnh vực từ nghiên cứu khoa học cơ bản, tài chính quốc tế, đến công nghệ thông tin và quản trị xã hội thông minh. Bản chất của việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ lao động không chỉ đơn thuần là trang bị một công cụ giao tiếp, mà chính là nâng cao nội lực quốc gia, tạo ra thế và lực mới để Việt Nam chủ động tham gia định hình các thể chế đa phương và tận dụng tối đa các lợi thế từ những hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Sự nhất quán trong tư duy của Đảng về vấn đề này được thể hiện xuyên suốt qua các định hướng chỉ đạo. Đại hội XIV của Đảng chỉ rõ: "Xu hướng phát triển nguồn lực con người trong giai đoạn tới tiếp tục hướng đến ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao". Đây là sự khẳng định về mặt ưu tiên chiến lược, đặt giáo dục và đào tạo ở vị trí trung tâm của sự phát triển. Để đạt được mục tiêu đó, vấn đề thể chế và chính sách cần có những đột phá tương ứng. Văn kiện nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hiện đại, công bằng và chất lượng. Thực hiện đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục, đào tạo, tập trung đột phá về phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao". Điều này cho thấy Đảng đã nhận diện rõ việc đào tạo nhân lực không thể thực hiện bằng các phương thức truyền thống, dàn trải, mà cần những cơ chế mang tính đặc thù để tạo ra những bước nhảy vọt về chất.

Bên cạnh đó, tính thực tiễn và trọng tâm của công tác đào tạo cũng được cụ thể hóa. Đại hội XIV của Đảng đã chỉ rõ: "Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược". Điều này đặt ra yêu cầu cho các cơ sở giáo dục đại học phải rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo sát với nhu cầu của nền kinh tế số và xã hội số, nơi mà ngoại ngữ và công nghệ là hai trụ cột không thể tách rời. Đặc biệt, điểm nhấn mang tính đột phá lịch sử, thể hiện tầm nhìn xa rộng của Đảng đối với ngành giáo dục trong kỷ nguyên mới, chính là chỉ đạo: "tăng cường chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học". Đây không chỉ là một khẩu hiệu giáo dục đơn thuần, mà là một quyết sách chính trị - xã hội quan trọng, làm thay đổi căn bản vị thế của môn tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chỉ đạo này là kim chỉ nam, là căn cứ pháp lý cao nhất đòi hỏi toàn bộ hệ thống giáo dục, đặc biệt là bậc đại học, phải thực hiện cuộc chuyển dịch mô hình một cách triệt để: từ mô hình dạy học truyền thống (chủ yếu trang bị kiến

thức ngữ pháp, cấu trúc ngữ hệ) sang mô hình phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ ứng dụng thực tế, lấy khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường học thuật và làm việc chuyên nghiệp làm thước đo chuẩn đầu ra.

Việc xác định tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi một tư duy tiếp cận đa chiều. Nó yêu cầu sự đồng bộ từ việc chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, hiện đại hóa giáo trình, đến việc tạo lập môi trường sử dụng ngôn ngữ trong toàn bộ khuôn viên đại học. Chỉ khi năng lực ngoại ngữ được nâng tầm, nguồn nhân lực Việt Nam mới có đủ tự tin để chuyển giao công nghệ, tiếp cận các nguồn tri thức tinh hoa của nhân loại và trực tiếp cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu. Như vậy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh chính là hành động thiết thực nhất để cụ thể hóa tinh thần Đại hội XIV, góp phần xây dựng một lực lượng sản xuất mới đủ sức đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển bứt phá và bền vững.

2.2. Thực trạng giảng dạy tiếng Anh đối chiếu với các yêu cầu phát triển mới

Để có cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách giáo dục trong kỷ nguyên mới, việc đánh giá thực trạng năng lực đội ngũ giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học là yếu tố tiên quyết. Theo dữ liệu khảo sát toàn quốc năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực trạng đội ngũ giảng dạy tại 92 cơ sở giáo dục đại học được phân tách thành hai nhóm chủ đạo: giảng viên chuyên trách tiếng Anh và giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (EMI).

Kết quả thống kê cho thấy hệ thống hiện có 4.607 giảng viên giảng dạy tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành, cùng 3.708 giảng viên tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Phân tích sâu về cơ cấu trình độ, nhóm giảng viên tiếng Anh có 608 tiến sĩ (chiếm 13,2%) và 2.417 thạc sĩ (chiếm 52,4%). Trong khi đó, nhóm giảng viên EMI sở hữu tỷ lệ học vị cao hơn đáng kể với 1.787 tiến sĩ (48,2%) và 1.825 thạc sĩ (49,2%). Sự chênh lệch này phản ánh đặc thù của nhóm EMI, vốn ưu tiên các chuyên gia có trình độ nghiên cứu sâu về chuyên môn nghiệp vụ. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ sư phạm ngôn ngữ, đây cũng là một thách thức khi sự chuyển dịch từ "giảng dạy kiến thức" sang "giảng dạy bằng ngôn ngữ" đòi hỏi những kỹ năng điều phối ngoại ngữ chuyên biệt mà không phải mọi chuyên gia chuyên ngành đều sở hữu.

Về năng lực chuẩn hóa quốc tế, một thực tế đáng quan tâm là chỉ có 31% giảng viên dạy tiếng Anh và 54% giảng viên EMI sở hữu các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực. Đối với nhóm trực tiếp giảng dạy ngôn ngữ, việc gần 70% đội ngũ chưa có các chứng chỉ được công nhận toàn cầu như IELTS, TOEFL, TOEIC hoặc các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm quốc tế (TESOL, CELTA) tạo ra một "khoảng trống chuẩn hóa" lớn. Điều này gây khó khăn cho việc hiện thực hóa mục tiêu "đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai", bởi người truyền thụ chưa đạt được mức độ tiệm cận với các tiêu chuẩn học thuật thế giới.

Thống kê số lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy tiếng Anh năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục đại học tham gia khảo sát

Chỉ số thống kê	Giảng viên dạy tiếng Anh, tiếng Anh chuyên ngành	Giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh
Giảng viên cơ hữu	4042	3194
Giảng viên thỉnh giảng	565	514
Giáo sư	13	43
Phó Giáo sư	65	234
Tiến sĩ/Tiến sĩ khoa học	608	1787
Thạc sĩ	2417	1825
Cử nhân	182	58
Giảng viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	1429	2006
Giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	2807	3050

Mặc dù sau 40 năm đổi mới, giáo dục đại học đã có những bước tiến dài về quy mô và hợp tác quốc tế, nhưng khi đối chiếu với các mục tiêu bứt phá giai đoạn 2026 - 2030 theo tinh thần Đại hội XIV, công tác giảng dạy tiếng Anh vẫn bộc lộ những "điểm nghẽn" hệ thống cần được tháo gỡ.

Thứ nhất, sự lệch pha giữa mô hình đào tạo và nhu cầu thực tế của thị trường lao động chất lượng cao. Hệ thống giáo dục hiện nay vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tư duy khảo thí, tập trung vào các kỹ năng thụ động như đọc hiểu và ngữ pháp để phục vụ thi cử. Trong khi đó, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nền kinh tế số là năng lực ngôn ngữ tích hợp: khả năng đàm phán, tư duy phản biện và làm việc trong môi trường đa văn hóa. Sự thiếu hụt năng lực thực chiến khiến nhân lực tốt nghiệp dù có bằng cấp nhưng vẫn lúng túng khi trực tiếp tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, bất cập trong chất lượng và phân bổ đội ngũ nhà giáo đang tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Sự thiếu hụt giảng viên đạt chuẩn tại các khu vực ngoài trung tâm và cơ chế đãi ngộ chưa tương xứng với công sức, trình độ của các chuyên gia ngoại ngữ giỏi đã gây ra tình trạng chảy máu chất xám từ hệ thống công lập sang khu vực tư nhân hoặc nước ngoài. Nếu không có những chính sách đặc thù, vượt trội về thu nhập và môi trường làm việc, việc thu hút nhân tài ngoại ngữ vào giảng dạy sẽ tiếp tục gặp khó khăn.

Thứ ba, việc thiếu tính liên thông và chậm trễ trong chuyển đổi số toàn diện đang kìm hãm chất lượng đào tạo. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học tiếng Anh hiện nay vẫn mang tính tự phát ở một số cơ sở, chưa hình thành được một hệ sinh thái dữ liệu số dùng chung ở quy mô quốc gia. Đặc biệt, chương trình tiếng Anh vẫn đang tồn tại độc lập, chưa có sự kết nối hữu cơ với các ngành khoa học mũi nhọn như chip bán dẫn, công nghệ lượng tử. Điều này làm hạn chế khả năng nghiên cứu và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các quốc gia phát triển.

Nhìn chung, để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng, việc giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học cần một cuộc cách mạng về cả tư duy quản lý lẫn phương thức thực hiện. Không chỉ là việc tăng số lượng giờ học hay chuẩn hóa chứng chỉ, mà phải là việc kiến tạo một môi trường học thuật mà ở đó tiếng Anh thực sự trở thành công cụ sản xuất, là phương tiện để người học Việt Nam tự tin làm chủ khoa học công nghệ và vươn tầm quốc tế.

2.3. Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Một là, hoàn thiện thể chế, đổi mới chương trình và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Trước hết, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý, ban hành lộ trình cụ thể để thể chế hóa mục tiêu đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai. Cần đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, tăng cường tích hợp phương thức giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành ngay từ bậc học phổ thông thông qua mô hình giáo dục STEAM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật, Toán học). Thí điểm dạy các môn Khoa học và Toán bằng tiếng Anh, triển khai đại trà mô hình giảng dạy tích hợp công nghệ AI; Ttăng tỷ trọng đánh giá kỹ năng nghe - nói trực tuyến. Đồng thời, cần loại bỏ tư duy kiểm tra đánh gia chú trọng ngữ pháp, chuyển mạnh sang đánh giá toàn diện bốn kỹ năng ngôn ngữ dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín. Thiết lập hệ thống đo lường chất lượng dựa trên sản phẩm đầu ra thực tế và mức độ hài lòng của người học và người sử dụng lao động.

Hai là, đột phá về công tác cán bộ, chuẩn hóa và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên.

Con người là nhân tố quyết định tốc độ và chất lượng của cuộc cải cách giáo dục. Cần ban hành các chính sách đãi ngộ đặc thù, vượt trội về thu nhập và môi trường làm việc để thu hút các nhà khoa học, chuyên gia ngoại ngữ, kiều bào Việt Nam ở nước ngoài về tham gia giảng dạy và nghiên cứu. Tổ chức các chương trình đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên cấp xã và các vùng khó khăn, giải quyết dứt điểm tình trạng thừa thiếu cục bộ.

Ba là, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng hạ tầng dữ liệu giáo dục ngoại ngữ hiện đại.

Hạ tầng số và dữ liệu số phải trở thành bệ phóng cho việc phổ cập ngoại ngữ. Cần xây dựng Hệ thống quản lý học tập (LMS) quốc gia tích hợp các công cụ trợ lý ảo AI để hỗ trợ cá nhân hóa việc học tập suốt đời cho người dân. Triển khai rộng rãi hình thức đào tạo từ xa, "bình dân học vụ số" về ngoại ngữ nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, hỗ trợ hiệu quả các nhóm yếu thế.

Bốn là, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục.

Tận dụng tối đa thế và lực mới của đất nước để mở rộng mạng lưới hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế uy tín. Khuyến khích các trường đại học lớn xây dựng các trung tâm nghiên cứu, liên kết đào tạo song bằng với nước ngoài. Thu hút các nguồn lực quốc tế, các quỹ đầu tư mạo hiểm tham gia vào xã hội hóa giáo dục ngoại ngữ, đồng thời tích cực đưa giáo viên, học sinh đi đào tạo tại nước ngoài nhằm hình thành tư duy công dân toàn cầu.

III. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không đơn thuần là một nhiệm vụ giáo dục tự thân, mà là một chiến lược then chốt, có tính quyết định đối với sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Việc quyết liệt chuyển dịch mô hình đào tạo ngoại ngữ hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ mở ra không gian để giải phóng các nguồn lực sản xuất mới, mà còn kiến tạo nền tảng nội sinh vững chắc, giúp Việt Nam chủ động hội nhập và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trong một thế giới đầy biến động. Để hiện thực hóa khát vọng này, đòi hỏi một sự chuyển biến căn bản từ tư duy đến hành động, với sự vào cuộc đồng bộ của toàn hệ thống chính trị dưới phương châm "nói đi đôi với làm" và kỷ luật thực thi nghiêm minh. Trong lộ trình đó, các cơ sở giáo dục đại học giữ vai trò là lực lượng nòng cốt, mang sứ mệnh dẫn dắt công cuộc đổi mới và tạo dựng môi trường học thuật song ngữ chuẩn mực. Thông qua tiến trình quốc tế hóa mạnh mẽ, các trường đại học đang hình thành nên những "hạt nhân" môi trường ngôn ngữ, nơi tiếng Anh không còn là môn học mà trở thành công cụ làm việc và nghiên cứu thực thụ. Việc đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, từ liên kết chương trình, công nhận tín chỉ đến trao đổi giảng viên và thu hút, trọng dụng nhân tài chính là con đường ngắn nhất để thu hẹp khoảng cách về trình độ và lan tỏa các chuẩn mực giáo dục hiện đại. Kết quả của tiến trình này là sự khẳng định vị thế và uy tín của giáo dục Việt Nam trên bản đồ tri thức toàn cầu, tạo xung lực mạnh mẽ đưa đất nước phát triển bứt phá trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Chính trị (2024), Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2024), Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.

Văn phòng Chính phủ (2025), Công văn số 714/VPCP-KGVX ngày 25/01/2025 về xây dựng Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, Hà Nội.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 288, 245, 273, 379, 273.